TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 / 8 / 2022.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan -** Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Kim Nhung**
2. Bà **Chung Kim Sang**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu**.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 9, TT. Tân H , huyện Tân H , tỉnh Kiên G .

- Bị đơn: Ông **Ngụy Đ**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 8/79 Khu phố Phi K , P. Vĩnh H , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:** Bà L và ông Đ chung sống với nhau vào tháng 7/2019 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND thị trấn Tân Hiệp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2020.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng bà rất hạnh phúc, nhưng thời gian thì vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng ý kiến, cụ thể là do ông Đ đã có người phụ nữ khác bên ngoài nên bỏ mặc bà sống ra sao thì sống, ngoài ra ông Đ còn thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc không chịu lo làm ăn, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, hiện nay tình cảm vợ chồng bà

không còn nữa, ông bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Vì vậy bà L yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà L xác nhận trong quá trình chung sống bà và ông Đ có 01 người con chung tên Ngụy Quỳnh Lan, sinh ngày 20/4/2019. Hiện đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lan đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Ngụy Đ:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Ngụy Đ vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử, vụ án được thụ lý ngày 04/11/2021 đến ngày 28/6/2022 Thẩm phán mới quyết định đưa vụ án ra xét xử là đã vi phạm quy định tại Điều 203 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp xin ly hôn". Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Đ a khoản 1 Điều 35, Đ a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Ngụy Đ Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngụy Đ nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Tân Hiệp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2020, nên

đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L và ông Đ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa bà L trình bày nguyên nhân là do ông Đ có người phụ nữ khác bên ngoài nên bỏ mặc bà sống ra sao thì sống, ngoài ra ông Đ còn thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc không chịu lo làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, bà và ông Đ đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L được ly hôn với ông Đ.

Về quan hệ con chung: Bà L xác nhận trong quá trình chung sống bà và ông Đ có 01 người con chung tên Ngụy Quỳnh Lan, sinh ngày 20/4/2019. Cháu Lan hiện đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lan đến tuổi trưởng thành. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L là hoàn toàn phù hợp. Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Ngụy Đ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông Đ có tranh chấp về con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông Đ có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Đ a khoản 1 Điều 35, Đ a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Đ b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Ngụy Đ.

Tuyên bố bà Trần Thị L được ly hôn với ông Ngụy Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Ngụy Quỳnh Lan, sinh ngày 20/4/2019 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Ngụy Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004024 ngày 15/7/2021 nên bà L không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP.Rạch Giá
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.Rạch Giá
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG
---ᘓ✪ᘑ---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---ᘓ✪ᘑ---

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…….giờ…….phút ngày 09 tháng 8 năm 2022

Tại trụ sở TAND thành phố Rạch Giá

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Phạm Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thị Kim Nhung** và bà **Chung Kim Sang**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 217/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Xin ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 9, TT. Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Ngụy Đ**, sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: Số 8/79 Khu phố Phi Kinh, P. Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Đ a khoản 1 Điều 35, Đ a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Đ b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Ngụy Đ.

Tuyên bố bà Trần Thị L được ly hôn với ông Ngụy Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Ngụy Quỳnh Lan, sinh ngày 20/4/2019 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Ngụy Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004024 ngày 15/7/2021 nên bà L không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi…….giờ…….phút ngày 09 tháng 8 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**